

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **7319**/UBND-CN XD

Quảng Ngãi, ngày **24** tháng **11** năm 2017

V/v bổ sung các khu vực  
khoáng sản trên địa bàn  
KKT Dung Quất vào Quy  
hoạch thăm dò, khai thác và  
sử dụng khoáng sản làm vật  
liệu xây dựng thông thường

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh

<b>TRUNG TÂM CÔNG ĐÀO &amp; TÍN HỌC Q. NGÃI</b>	
<b>CV</b>	Số:..... <b>10.886</b> .....
<b>ĐẾN</b>	Ngày <b>27</b> / <b>11</b> / <b>17</b>
	Chức vụ:..... <b>Hiệu trưởng</b> .....

Hiện nay, trên địa bàn KKT Dung Quất, một số khu vực khoáng sản có khả năng khai thác, sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường nhưng nằm trong quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng của KKT Dung Quất, các khu vực này có địa hình dốc, tiềm ẩn nhiều nguy cơ sạt lở gây tai nạn cho người và phương tiện khi lưu thông qua khu vực.

Để quản lý và cấp phép hoạt động khoáng sản tại các khu vực nêu trên theo đúng quy định của Luật Khoáng sản, đồng thời thu dọn mặt bằng để kêu gọi nhà đầu tư, tận dụng được nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ các công trình, dự án trên địa bàn KKT Dung Quất, UBND tỉnh kính đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến về việc bổ sung các khu vực khoáng sản vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

**I. Khu vực đoạn cuối tuyến đường Trì Bình – Cảng Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn**

1. Khu vực 1: Có 02 vị trí, với tổng diện tích khoảng 2,46 ha

- Vị trí 1: Diện tích khoảng 1,37 ha, được giới hạn bởi các điểm góc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°, múi chiều 3° như sau:

Điểm góc	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
M1	586.712,06	1.699.851,87
M2	586.785,08	1.699.854,42
M3	586.962,01	1.699.917,59
M4	587.019,70	1.699.957,91
M5	586.995,23	1.699.991,54
M6	586.301,04	1.699.941,27

M7	586.702,89	1.699.919,33
M8	586.702,89	1.699.880,61

- Vị trí 2: Diện tích khoảng 1,09 ha, được giới hạn bởi các điểm góc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°, múi chiếu 3° như sau:

Điểm góc	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
M9	586.698,44	1.699.894,56
M10	586.837,31	1.699.933,48
M11	586.962,01	1.699.960,25
M12	586.907,56	1.699.957,91
M13	586.986,24	1.700.003,90
M14	586.977,09	1.699.998,99
M15	586.694,66	1.699.906,42

2. Khu vực 2: Có 02 vị trí, với tổng diện tích khoảng 2,7 ha

- Vị trí 1: Diện tích khoảng 0,62 ha, được giới hạn bởi các điểm góc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°, múi chiếu 3° như sau:

Điểm góc	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
M1	587.244,86	1.700.857,98
M2	587.263,70	1.700.857,88
M3	587.277,74	1.701.162,52
M4	587.257,32	1.701.162,62

- Vị trí 2: Diện tích khoảng 2,09 ha, được giới hạn bởi các điểm góc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°, múi chiếu 3° như sau:

Điểm góc	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
M5	587.279,09	1.700.857,79
M6	587.338,88	1.700.857,45

M7	587.378,16	1.700.976,95
M8	587.326,72	1.701.162,29
M9	587.292,35	1.701.162,45

## II. Khu vực xã Bình Đông, huyện Bình Sơn

- Tên mỏ đá: Mỏ đá Bình Đông, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn.

- Diện tích: khoảng 11,0 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ M1 đến M6 có hệ tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108, múi chiếu 3<sup>o</sup>) cụ thể như sau:

Điểm góc	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
M1	585.352,97	1.699.232,26
M2	585.495,09	1.699.271,80
M3	585.519,97	1.699.195,94
M4	585.728,28	1.699.285,46
M5	585.834,67	1.699.025,72
M6	585.634,78	1.698.964,85
M7	585.416,64	1.698.971,78

- Độ sâu khai thác theo Cao trình tuyến giao thông qua khu vực đã được BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh thống nhất tại Công văn số 1649/BQL-QLTNMT ngày 17/10/2017, cụ thể: tại nút 349 (+26,0 m), nút 352 (+24,0 m), nút 347 (+26,0 m), nút 346 (+40,0 m).

## III. Khu vực xã Bình Long và xã Bình Phước huyện Bình Sơn

### 1. Khu vực xã Bình Phước:

- Tên mỏ đá: Thôn Phước Thọ, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn

- Diện tích: khoảng 11,1 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ M1 đến M8 có hệ tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108, múi chiếu 3<sup>o</sup>) cụ thể như sau:

Điểm góc	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
M1	584.769,43	1.691.347,88
M2	584.777,86	1.691.264,99

M3	584.844,65	1.691.164,27
M4	584.902,95	1.691.003,84
M5	584.948,84	1.690.807,17
M6	584.762,43	1.690.802,37
M7	584.619,51	1.691.134,35
M8	584.609,87	1.691.337,26

## 2. Khu vực xã Bình Long và xã Bình Phước

- Tên mỏ đất: Núi Hóc Xanh, xã Bình Long và xã Bình Phước, huyện Bình Sơn.

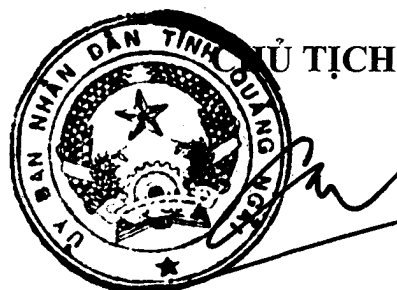
- Diện tích: khoảng 13,7 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ M1 đến M7 có hệ tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108, múi chiếu 3<sup>o</sup>) cụ thể như sau:

Điểm góc	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
M1	584.255,05	1.691.298,64
M2	584.501,05	1.691.170,64
M3	584.503,05	1.690.960,64
M4	584.432,28	1.690.961,61
M5	584.152,07	1.690.941,74
M6	584.049,05	1.691.013,64
M7	584.039,05	1.691.216,64

Kính đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, có ý kiến./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi;
- Các Sở: TN-MT, Xây dựng, Công Thương;
- UBND huyện Bình Sơn;
- VPU: CVP, PCVP, NNTN, CB;
- Lưu: VT, CNXD. 11sáng.616



Trần Ngọc Căng